

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hào;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu X, xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở nước ngoài.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu Y, xã L S, huyện T N, tỉnh Phú Thọ.

(Anh Q, Bà N có mặt; Chị T vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh Q và Chị T có tìm hiểu và tự

nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ ngày 11/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không được hòa thuận. Đến ngày 15/01/2015 anh Q có đi xuất khẩu lao động Chị T ở nhà có mâu thuẫn với bố mẹ chồng và tự ý bỏ về nhà ngoại sống. Đến ngày 16/10/2016 anh Q về nước và khuyên bảo vợ đưa con về nhà sống nhưng Chị T không về, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị ly hôn Chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Q xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 14/8/2012 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/11/2014. Anh Q đồng ý cho Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Tại phiên tòa, anh đề nghị được cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi các cháu thành niên, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Trong thời gian Chị T ở nước ngoài thì tạm giao cháu T và cháu H cho Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp của vợ chồng: Anh Q xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí giám định: Anh Q tự nguyện chịu toàn bộ.

** Bị đơn Chị Nguyễn Thị T hiện đang ở nước ngoài (theo công văn số: 32104/QLXNC-P3 ngày 30/11/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an) và gửi bản trình bày ý kiến về Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có nội dung như sau:*

Chị được gia đình thông báo về việc anh Nguyễn Tiến Q gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhưng hiện nay chị đang làm việc tại Đài Loan chưa thu xếp để về nước được.

Chị và anh Nguyễn Tiến Q kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ ngày 11/10/2011. Sau khi kết hôn chị về ở tại nhà chồng tại xã V L, huyện L T, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Chị sinh được hai cháu là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 14/8/2012 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/11/2014. Năm 2016 chồng chị sang Đài Loan làm việc sau đó năm 2017 chị cũng sang Đài Loan. Từ lúc chồng đi nước ngoài hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, con gửi ông bà ngoại trông.

Hiện chị không biết lý do tại sao chồng chị về nước đòi ly hôn chị. Cuộc sống vẫn bình thường không xảy ra mâu thuẫn. Chị đề nghị Tòa án xem xét để đến khi nào chị về Việt Nam chị sẽ xem xét lý do tại sao chồng chị đòi ly hôn thì lúc đó chị sẽ giải quyết.

** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị N có quan điểm trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của Chị Nguyễn Thị T. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho Chị T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đang giải quyết việc ly hôn giữa anh Q và Chị T. Do Chị T đang ở nước ngoài nên không đến Tòa án làm việc được.

Về địa chỉ cụ thể của Chị T ở nước ngoài bà không có nên không cung cấp được cho Tòa án. Bà và Chị T vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua Zalo và Facebook. Trước đây, Chị T đã có quan điểm không nhất trí ly hôn gửi về cho Tòa án. Đến nay, sau khi nghe bà thông báo ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Chị T có nói với bà quan điểm nếu anh Q giao cho chị nuôi hai con thì chị đồng ý ly hôn và tạm giao cháu T và cháu H cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà đồng ý thay mặt Chị T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Trước đây, bà không yêu cầu anh Q và Chị T phải cấp dưỡng nuôi các cháu cùng, tại phiên tòa anh Q đề nghị cấp dưỡng như đã trình bày, bà cũng đồng ý.

* Cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Duy H đều có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, theo đơn đề nghị của anh Q, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của Chị Nguyễn Thị T trong Bản trình bày ý kiến ngày 24/01/2024 so với mẫu so sánh là Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2011, ngày 11/10/2011 có phải do cùng một người ký và viết ra hay không? Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ đã ra kết luận giám định số 340/KLGĐ-KTHS ngày 05/3/2024 đối với đối tượng giám định nêu trên.

Anh Q nộp tạm ứng chi phí giám định là 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tiến Q ly hôn Chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 14/8/2012 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/11/2014 cho Chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; trong thời gian Chị T ở nước ngoài tạm giao cháu T và cháu H cho Bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi Chị T về nước đón cháu.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tiến Q về cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Duy H số tiền 1.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Chị Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện về tranh chấp về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Tiến Q tự nguyện chịu.

Về án phí: Anh Nguyễn Tiến Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Chị Nguyễn Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 32104/QLXNC-P3 ngày 30/11/2023 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 30/11/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định Chị T xuất cảnh lần gần nhất ngày 09/8/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này Chị T không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Chị T vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị T.

[2]. Về nội dung:

Tại kết luận giám định số: 340/KLGD-KTHS ngày 05/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận: “Chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Nguyễn Thị T” dưới mục “Người trình bày” trên “Bản trình bày ý kiến” so với chữ ký dạng chữ viết “T” và các chữ “Nguyễn Thị T” dưới mục “Vợ” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, Bản trình bày ý kiến ngày 24/01/2024 thể hiện đúng ý chí của Chị T nên có căn cứ để giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Q và Chị Nguyễn Thị T trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V L, huyện L T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, anh Q cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị T. Mặc dù trước đây Chị T có quan điểm không nhất trí ly hôn nhưng qua lời khai của Bà N là mẹ đẻ của Chị T cung cấp, đến nay, Chị T cũng đồng ý ly hôn khi anh Q cho chị nuôi cả hai con chung. Bên cạnh đó Bà N là mẹ đẻ của Chị T cũng thừa nhận anh Q và Chị T

đến nay không còn tình cảm, trách nhiệm, quan tâm gì nhau nữa. Như vậy, lời trình bày của Bà N cũng phù hợp với thực tế giữa anh Q và Chị T là vợ chồng nhưng không liên lạc thăm hỏi trách nhiệm, quan tâm theo đúng nghĩa vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết Bà N cho rằng anh Q có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ là chị Bích và cung cấp ảnh chụp anh Q với chị B, bản trình bày ý kiến của chị Trương Thị B, địa chỉ: A T, xã Đ Q, huyện G L, tỉnh Hải Dương nhưng không có chứng thực chữ ký. Tòa án đã báo chị B đến làm việc nhưng chị B không đến làm việc. Do vậy trình bày ý kiến của Bà N và chị B không có căn cứ để xem xét.

Theo đó, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh Q và Chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho anh Q được ly hôn Chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Q và Chị T có hai con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 14/8/2012 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/11/2014.

Xét thấy: khi ly hôn, theo trình bày của Bà N, Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Duy H, anh Q cũng nhất trí để Chị T nuôi cả hai con chung và đồng ý trong thời gian Chị T ở nước ngoài Bà N là bà ngoại của hai cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T và cháu H đang ở cùng Bà N và đều có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy Bà N có đủ điều kiện đảm bảo cho các cháu học tập, phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần trong thời gian Chị T ở nước ngoài. Phía Bà N cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và cháu H cho đến khi Chị T về nước thì giao lại cho Chị T. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Duy H cho Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Trong thời gian Chị T ở nước ngoài tạm giao cháu T và cháu H cho Bà N nuôi dưỡng khi nào Chị T về nước Bà N có trách nhiệm giao lại cháu T và cháu H cho Chị T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T vắng mặt không có ý kiến. Tuy nhiên anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Duy H mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi các cháu thành niên, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2024, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Việc đề nghị cấp dưỡng của anh Q là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Q. Các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp.

Tại phiên tòa, Bà N đồng ý mức cấp dưỡng anh Q cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu H trong thời gian Bà N được tạm giao nuôi dưỡng hai cháu, đây là sự tự nguyện, cần được xác nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Do Chị T không có lời khai nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí giám định số tiền 3.000.000 đồng, anh Q đã nộp. Nay anh Q xin tự chịu toàn bộ không đề nghị giải quyết nên cần xác nhận.

[4] Về án phí: Anh Q tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, cần xác nhận

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q phải chịu 300.000đ theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Q được ly hôn Chị Nguyễn Thị T.

[2]. Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 14/8/2012 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 09/11/2014.

Trong thời gian Chị T ở nước ngoài tạm giao cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Duy H cho Bà Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Chị T về nước.

Bà N có trách nhiệm giao cháu T và cháu H lại cho Chị T khi Chị T về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xác nhận anh Nguyễn Tiến Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Duy H mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các cháu thành niên, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Xác nhận Bà Nguyễn Thị N đồng ý để anh Q cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Duy H trong thời gian bà được giao nuôi hai cháu.

Anh Q có quyền và nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về chi phí tố tụng: Xác nhận anh Q đã nộp đủ và tự nguyện chịu chi phí giám định số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5]. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Tiến Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: Anh Nguyễn Tiến Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Xác nhận Anh Q đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000080 ngày 20/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh Q còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã V L;
- UBND xã L S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương